

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
(đã được soát xét)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-44
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05-08
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	15-44

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 111/GPĐC-UBCK cấp ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27/4/2023
Ông Vũ Mạnh Tiến	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Thành viên	
Bà Vũ Hải Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Chung	Tổng Giám đốc	
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Khuê	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2023
Ông Nguyễn Phi Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/7/2023

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Nguyễn Thành Chung - Tổng giám đốc.

Ông Phạm Hồng Minh - Giám đốc Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư được ông Nguyễn Thành Chung ủy quyền ký Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 30/2023/GUQ-TGD ngày 10 tháng 08 năm 2023.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Minh

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023





Số: 110823.018/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được lập ngày 11 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.209.769.830.079</b>	<b>2.386.420.443.115</b>
110	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>2.206.731.479.395</b>	<b>2.383.831.737.154</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	32.235.263.091	148.573.649.746
111.1	1.1 Tiền		32.235.263.091	148.573.649.746
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.612.854.507.706	1.865.729.437.487
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	-	55.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	241.841.926.808	243.616.529.872
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	30.310.000.000	30.310.000.000
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(10.034.354.233)	(9.469.397.485)
117	7. Các khoản phải thu	7	288.619.111.070	37.939.218.959
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		192.485.418.796	-
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		96.133.692.274	37.939.218.959
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		96.133.692.274	37.939.218.959
118	8. Trả trước cho người bán		9.752.923.400	10.586.566.483
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	1.171.012.353	1.564.395.372
122	10. Các khoản phải thu khác	7	5.089.200	5.336.720
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(24.000.000)	(24.000.000)
130	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.038.350.684</b>	<b>2.588.705.961</b>
131	1. Tạm ứng		1.257.263.476	124.828.500
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.745.087.208	2.427.877.461
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	36.000.000	36.000.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>62.740.368.219</b>	<b>68.540.637.658</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.602.201.760</b>	<b>31.753.874.963</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	17.406.303.978	19.292.557.766
222	- Nguyên giá		38.886.937.476	39.147.588.476
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.480.633.498)	(19.855.030.710)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	11.195.897.782	12.461.317.197
228	- Nguyên giá		25.005.708.497	25.005.708.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.809.810.715)	(12.544.391.300)
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>34.138.166.459</b>	<b>36.786.762.695</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	2.237.590.228	2.235.790.228
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	10.621.836.169	13.696.017.095
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	39.2	1.278.740.062	-
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	20.000.000.000	20.854.955.372
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.272.510.198.298</b>	<b>2.454.961.080.773</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		378.521.614.133	532.426.416.247
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		378.521.614.133	520.265.319.854
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	192.678.342.249	213.154.117.315
312	1.1 Vay ngắn hạn		192.678.342.249	213.154.117.315
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	100.000.000.000	130.280.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	56.083.362.199	80.440.620.949
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.778.640.748	49.501.174.628
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		612.000.000	540.000.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	6.577.734.092	14.310.454.301
323	7. Phải trả người lao động		746.851.415	745.664.730
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		292.302.440	196.921.440
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	7.888.246.466	20.849.103.234
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	1.335.641.685	2.357.753.475
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.528.492.839	7.889.509.782
340	II. Nợ phải trả dài hạn		-	12.161.096.393
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	39.2	-	12.161.096.393
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.893.988.584.165	1.922.534.664.526
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.893.988.584.165	1.922.534.664.526
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.270.004.000.000	1.270.004.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.030.004.000.000	1.030.004.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.030.004.000.000	1.030.004.000.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		240.000.000.000	240.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		27.107.220.603	27.107.220.603
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		27.107.220.603	27.107.220.603
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		569.770.142.959	598.316.223.320
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		576.829.903.011	551.616.637.548
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(7.059.760.052)	46.699.585.772
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>2.272.510.198.298</u>	<u>2.454.961.080.773</u>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		103.000.400	103.000.400
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	22	211.576.300.000	204.247.790.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	23	1.530.000	1.530.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	24	-	27.000.000.000
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	1.240.550.270.000	1.376.140.270.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	4.726.767.590.000	5.638.403.970.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		3.796.603.900.000	4.191.232.510.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		86.316.710.000	434.326.690.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		809.046.970.000	924.501.630.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		530.300.000	35.560.890.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		34.269.710.000	52.782.250.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	18.152.520.000	18.152.520.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		18.002.520.000	18.002.520.000
022.4	d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	150.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28	36.087.280.000	44.845.040.000

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
026	4. Tiền gửi của khách hàng	29	161.399.583.838	154.014.918.345
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		103.732.524.173	85.905.762.795
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		57.665.895.790	68.108.155.550
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		57.665.895.790	68.108.155.550
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.163.875	1.000.000
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	161.398.419.963	154.013.918.345
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		161.396.327.769	154.011.393.682
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.092.194	2.524.663
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	1.163.875	1.000.000

Bùi Thị Yến  
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng  
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh  
Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	92.332.984.137	331.617.109.935
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	11.927.118.469	157.290.233.111
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	10.555.101.671	150.260.641.226
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	69.850.763.997	24.066.235.598
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	88.493.150	1.624.657.535
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	18.318.272.711	83.876.947.740
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	13.016.669.793	51.226.270.878
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	100.000.000	168.059.060.000
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	907.148.839	1.330.637.661
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	400.909.126	3.608.863.637
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	366.684.191	9.111.897.623
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>125.531.161.947</b>	<b>650.455.445.009</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	78.374.100.599	225.541.555.425
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	619.816.649	40.564.686.654
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	77.754.283.950	184.976.868.771
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	564.956.748	3.761.269.550
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	1.326.557.710	2.903.700.996
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	17.502.754.715	51.514.475.855
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.595.475.294	123.113.835.027
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	927.454.554	1.332.521.426
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	5.787.020.634	1.193.187.698
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	7.467.055.650	7.488.439.825
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>113.545.375.904</b>	<b>416.848.985.802</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	278.613.327	1.825.704.416
44	3.2	Doanh thu khác về đầu tư	-	3.469.524.899
50		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>278.613.327</b>	<b>5.295.229.315</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>36</b>		
52	4.1 Chi phí lãi vay		16.506.759.209	35.695.833.932
60	Cộng chi phí tài chính		16.506.759.209	35.695.833.932
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>37</b>	25.868.043.808	26.236.414.459
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(30.110.403.647)</b>	<b>176.969.440.131</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác		10.090.909	246.227.273
72	8.2 Chi phí khác	38	505.813.803	3.155.106
80	Cộng kết quả hoạt động khác		<b>(495.722.894)</b>	<b>243.072.167</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>(30.606.126.541)</b>	<b>177.212.512.298</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		36.593.055.738	211.928.739.843
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(67.199.182.279)	(34.716.227.545)
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>39</b>	<b>(5.856.814.237)</b>	<b>35.240.582.257</b>
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.1	7.583.022.218	42.183.827.766
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	39.2	(13.439.836.455)	(6.943.245.509)
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>(24.749.312.304)</b>	<b>141.971.930.041</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	41	(240)	1.378

*Bui Thi Yen*

Bùi Thị Yến  
Người lập

*Nguyen Thi Bich Hang*

Nguyễn Thị Bích Hằng  
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh  
Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(30.606.126.541)	177.212.512.298
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		19.943.766.742	39.031.481.823
03	- Khấu hao tài sản cố định		3.151.673.203	1.629.173.666
04	- Các khoản dự phòng		564.956.748	3.761.269.550
06	- Chi phí lãi vay		16.506.759.209	35.695.833.932
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(279.622.418)	(2.054.795.325)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		77.754.283.950	184.976.868.771
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		77.754.283.950	184.976.868.771
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(10.555.101.671)	(150.260.641.226)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(10.555.101.671)	(150.260.641.226)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(122.033.214.087)	349.225.248.407
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		185.675.747.502	48.014.293.040
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		55.000.000.000	(105.000.000.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		1.774.603.064	765.110.659.690
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	(30.310.000.000)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(192.485.418.796)	(87.589.015.198)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(58.194.473.315)	(6.587.473.527)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		465.383.019	33.116.005.840
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		247.520	5.970.638.100
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(277.479.604)	(2.346.795.037)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(9.816.203.402)	6.054.554.461
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		3.756.971.179	(1.020.649.003)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.127.080.622)	(50.442.281.488)
44	- Lãi vay đã trả		(19.651.412.575)	(57.837.216.889)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(46.523.048.397)	(47.095.927.109)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		95.381.000	72.389.900
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.188.661.805)	(4.379.891.479)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		1.186.685	702.054.928
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(25.379.370.540)	(115.219.707.622)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.159.585.000)	(1.986.390.200)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(65.496.391.607)</b>	<b>600.185.470.073</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(365.842.400)	(9.347.179.234)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		1.009.091	229.090.909
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		278.613.327	1.825.704.416
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(86.219.982)</i>	<i>(7.292.383.909)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
73	1. Tiền vay gốc		192.244.088.496	751.884.827.992
73.2	1.1 Tiền vay khác		192.244.088.496	751.884.827.992
74	4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay		(242.999.863.562)	(1.197.315.726.975)
74.2	2.1 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		(242.999.863.562)	(1.197.315.726.975)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(50.755.775.066)</i>	<i>(445.430.898.983)</i>
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(116.338.386.655)</b>	<b>147.462.187.181</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>148.573.649.746</b>	<b>205.112.252.808</b>
101.1	- Tiền		148.573.649.746	205.112.252.808
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>32.235.263.091</b>	<b>352.574.439.989</b>
103.1	- Tiền		32.235.263.091	352.574.439.989



**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA  
KHÁCH HÀNG**

06 tháng đầu năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		5.020.133.036.082	24.225.962.586.450
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(4.530.678.613.900)	(21.485.461.204.847)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		6.455.415.453.036	28.139.967.062.308
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(6.937.485.373.600)	(31.017.335.752.964)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		14.473.224.359	858.301.290.053
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(14.473.060.484)	(910.725.571.993)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		<b>7.384.665.493</b>	<b>(189.291.590.993)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>		<b>154.014.918.345</b>	<b>502.472.756.607</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		154.014.918.345	502.472.756.607
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		85.905.762.795	224.750.899.807
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		68.108.155.550	225.289.162.200
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.000.000	52.432.694.600
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	29	<b>161.399.583.838</b>	<b>313.181.165.614</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		161.399.583.838	313.181.165.614
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		103.732.524.173	175.868.953.454
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		57.665.895.790	137.303.799.500
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.163.875	8.412.660

Bùi Thị Yến  
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng  
Kế toán trưởngPhạm Hồng Minh  
Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	01/01/2022		06 tháng đầu năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
Thuyết minh	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.270.004.000.000	1.270.004.000.000	-	-	-	1.270.004.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền	1.030.004.000.000	1.030.004.000.000	-	-	-	1.030.004.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	240.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.000.000.000	27.107.220.603	21.107.220.603	-	-	27.107.220.603
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	6.000.000.000	27.107.220.603	21.107.220.603	-	-	27.107.220.603
4. Lợi nhuận chưa phân phối	585.702.523.990	598.316.223.320	141.971.930.041	63.321.661.809	(24.749.312.304)	664.352.792.222
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	386.790.509.401	551.616.637.548	169.744.912.077	63.321.661.809	29.010.033.520	493.213.759.669
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	198.912.014.589	46.699.585.772	(27.772.982.036)	-	(53.759.345.824)	(7.059.760.052)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.867.706.523.990</b>	<b>1.922.534.664.526</b>	<b>184.186.371.247</b>	<b>63.321.661.809</b>	<b>(24.749.312.304)</b>	<b>1.988.571.233.428</b>



*(Handwritten signature)*

**Bùi Thị Yến**  
Người lập

**Nguyễn Thị Bích Hằng**  
Kế toán trưởng

**Phạm Hồng Minh**

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2023

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 111/GPĐC-UBCK cấp ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.030.004.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 1.030.004.000.000 đồng; tương đương 103.000.400 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 188 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 214 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 với mã giao dịch là EVS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Văn phòng Công ty	Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng 4, Toà nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Bà Triệu	Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C,D, Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Nguyễn Trãi	Tầng 3, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Ứng trước tiền bán chứng khoán; Môi giới chứng khoán phái sinh; Tự doanh chứng khoán phái sinh; Tư vấn và đầu tư chứng khoán phái sinh.

#### 1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2023, mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự phục hồi nhưng giá trị thị trường của các cổ phiếu, số lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản cũng như dòng tiền vẫn đang duy trì ở mức thấp. Những yếu tố này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ này giảm rất mạnh so với cùng kỳ năm trước.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

**2.4 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**a) Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



b) Nguyên tắc phân loại

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.



**c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

**2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.



**2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Các tài sản khác	02 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch	02 - 08 năm

**2.9 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



**2.11 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.



Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó, đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, Công ty sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán. Việc xử lý số dư của các quỹ này sẽ được thực hiện sau khi xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

#### **2.16 . Doanh thu, thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.17 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

### 2.18 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

*Doanh thu tài chính* bao gồm: doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn; doanh thu đầu tư khác.

*Chi phí hoạt động tài chính* bao gồm: chi phí lãi vay.

### 2.19 . Các khoản thuế

#### a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

#### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### 2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**2.22 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	<b>2.358.015</b>	<b>820.443.763.120</b>
- Cổ phiếu	1.967.251	49.466.215.971
- Trái phiếu	162.554	240.733.315.639
- Chứng khoán khác	228.210	530.244.231.510
Của nhà đầu tư	<b>610.084.070</b>	<b>9.394.710.005.440</b>
- Cổ phiếu	610.039.670	9.394.644.963.440
- Chứng khoán khác	44.400	65.042.000
	<b>612.442.085</b>	<b>10.215.153.768.560</b>

**4 . TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.220.645.513	580.337.459
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	31.014.617.578	147.993.312.287
	<b>32.235.263.091</b>	<b>148.573.649.746</b>

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	357.051.492.919	327.614.678.410	406.517.708.890	433.204.826.660
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	2.885.800	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.206.213.829.296	1.229.259.829.296	1.342.423.360.827	1.376.544.610.827
	<b>1.619.248.208.015</b>	<b>1.612.854.507.706</b>	<b>1.804.923.955.517</b>	<b>1.865.729.437.487</b>

(\*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá trị thị trường tại ngày 31/12/2022 và 30/06/2023.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000
	<u>30.310.000.000</u>	<u>30.310.000.000</u>	<u>30.310.000.000</u>	<u>30.310.000.000</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	-	55.000.000.000
	<u>-</u>	<u>55.000.000.000</u>

**d) Các khoản cho vay**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Hoạt động margin	235.419.428.466	236.350.103.758
Hoạt động ứng trước tiền bán	6.422.498.342	7.266.426.114
	<u>241.841.926.808</u>	<u>243.616.529.872</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	1.619.248.208.015	1.804.923.955.517	1.612.854.507.706	1.865.729.437.487	60.588.012.720	91.321.401.400	(66.981.713.029)	(30.515.919.430)	1.612.854.507.706	1.865.729.437.487
Cổ phiếu niêm yết	357.051.492.919	406.517.708.890	327.614.678.410	433.204.826.660	37.542.012.720	57.200.151.400	(66.978.827.229)	(30.513.033.630)	327.614.678.410	433.204.826.660
GMA	5.000.000.000	5.000.000.000	39.960.000.000	39.960.000.000	34.960.000.000	34.960.000.000	-	-	39.960.000.000	39.960.000.000
NVB	280.804.707.600	280.804.707.600	237.773.658.600	303.044.859.000	-	22.240.151.400	(43.031.049.000)	-	237.773.658.600	303.044.859.000
ACB	1.508.730	49.467.724.701	1.521.450	43.082.994.000	12.720	-	(6.384.730.701)	-	1.521.450	43.082.994.000
VC2	5.278.000.000	5.278.000.000	7.860.000.000	4.920.000.000	2.582.000.000	-	(358.000.000)	-	7.860.000.000	4.920.000.000
OGC	65.782.632.485	65.782.632.485	41.892.846.160	42.093.290.400	-	-	(23.889.786.325)	(23.689.342.085)	41.892.846.160	42.093.290.400
Cổ phiếu lẻ	184.644.104	184.644.104	126.652.200	103.683.260	-	-	(57.991.904)	(80.960.844)	126.652.200	103.683.260
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
- Cổ phiếu lẻ	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media (*)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.206.213.829.296	1.342.423.360.827	1.229.259.829.296	1.376.544.610.827	23.046.000.000	34.121.250.000	-	-	1.229.259.829.296	1.376.544.610.827
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	87.600.000.000	87.600.000.000	87.600.000.000	87.600.000.000	-	-	-	-	87.600.000.000	87.600.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	156.300.000.000	147.600.000.000	156.300.000.000	147.600.000.000	-	-	-	-	156.300.000.000	147.600.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mai Viên	92.184.000.000	92.184.000.000	115.230.000.000	115.230.000.000	23.046.000.000	23.046.000.000	-	-	115.230.000.000	115.230.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Tiến Trường	-	157.994.750.000	-	169.070.000.000	-	11.075.250.000	-	-	-	169.070.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	870.129.829.296	857.044.610.827	870.129.829.296	857.044.610.827	-	-	-	-	870.129.829.296	857.044.610.827
AFS	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
- Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh (*)	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.649.558.208.015</b>	<b>1.835.233.955.517</b>	<b>1.643.164.507.706</b>	<b>1.896.039.437.487</b>	<b>60.588.012.720</b>	<b>91.321.401.400</b>	<b>(66.981.713.029)</b>	<b>(30.515.919.430)</b>	<b>1.643.164.507.706</b>	<b>1.896.039.437.487</b>

**Chi chú:**

Nguyên tắc tính và cơ sở tham chiếu để xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá trị trường Công ty thận trọng xác định bằng 0. Giá trị thị trường của trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo mệnh giá của các trái phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị thị trường. Theo đó giá trị thị trường được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(1) Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (mã trái phiếu VC2H2122001) có kỳ hạn ban đầu 12 tháng (27/10/2021 - 27/10/2022), được kéo dài kỳ hạn tới ngày 27/10/2023; số lượng: 876 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất cho 12 tháng đầu của trái phiếu là 11,50%/năm, 12 tháng tiếp theo là 17.25%/năm.

(2) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (mã trái phiếu DCACH2124001) có kỳ hạn 36 tháng (28/10/2021 - 28/10/2024); số lượng: 1.563 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,50%/năm.

(3) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mai Viên (mã trái phiếu MVJCH2124001) có kỳ hạn 36 tháng (26/10/2021 - 26/10/2024); số lượng: 11.523 trái phiếu; mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,50%/năm.

(4) Trái phiếu của Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm, bao gồm:

- Trái phiếu CLACH2124001 có kỳ hạn 36 tháng (14/04/2021 - 14/04/2024); số lượng: 58.637 trái phiếu; mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng là 12%/năm.

- Trái phiếu CLACH2125002 có kỳ hạn 48 tháng (16/08/2021 - 16/08/2025); số lượng: 24.717 trái phiếu; mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 48 tháng là 11%/năm.

**6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tại ngày 01/01	9.469.397.485	3.620.505.372
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	564.956.748	3.761.269.550
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>10.034.354.233</b>	<b>7.381.774.922</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	192.485.418.796	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	96.133.692.274	37.939.218.959
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.171.012.353	1.564.395.372
Phải thu khác	5.089.200	5.336.720
<b>Tổng cộng</b>	<b>289.795.212.623</b>	<b>39.508.951.051</b>

**8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tại ngày 01/01	24.000.000	24.000.000
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	142.958.549	107.313.442
Chi phí thuê văn phòng	558.403.065	861.675.361
Chi phí bảo trì phần mềm	100.322.360	230.782.364
Chi phí thuê đường truyền	381.067.580	210.579.809
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	50.338.700	359.132.900
Chi phí hỗ trợ kinh doanh trái phiếu	-	71.289.801
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	511.996.954	587.103.784
	<b>1.745.087.208</b>	<b>2.427.877.461</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.771.349.662	2.604.621.228
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo khi chuyển sang trụ sở mới 2A Đại Cồ Việt	5.746.341.789	6.917.961.549
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo văn phòng tại Chi nhánh Nguyễn Trãi	2.114.875.799	2.690.898.191
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo văn phòng tại Chi nhánh Sài Gòn	407.311.094	814.711.184
Chi phí trả trước dài hạn khác	581.957.825	667.824.943
	<b>10.621.836.169</b>	<b>13.696.017.095</b>

**10 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC****a) Ngắn hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê cây xanh	3.000.000	3.000.000
Đặt cọc thuê xe ô tô	33.000.000	33.000.000
	<b>36.000.000</b>	<b>36.000.000</b>

**b) Dài hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	2.205.240.228	2.205.240.228
Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	32.350.000	30.550.000
	<b>2.237.590.228</b>	<b>2.235.790.228</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Tại ngày 01/01/2023	25.987.660.927	12.218.185.572	222.812.000	718.929.977	39.147.588.476					
Thanh lý, nhượng bán	(196.917.000)	(63.734.000)	-	-	(260.651.000)					
Tại ngày 30/06/2023	25.790.743.927	12.154.451.572	222.812.000	718.929.977	38.886.937.476					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Tại ngày 01/01/2023	16.748.468.189	2.338.598.689	222.812.000	545.151.832	19.855.030.710					
Khấu hao trong kỳ	1.235.376.290	621.888.498	-	28.989.000	1.886.253.788					
Thanh lý, nhượng bán	(196.917.000)	(63.734.000)	-	-	(260.651.000)					
Tại ngày 30/06/2023	17.786.927.479	2.896.753.187	222.812.000	574.140.832	21.480.633.498					
Giá trị còn lại										
Tại ngày 01/01/2023	9.239.192.738	9.879.586.883	-	173.778.145	19.292.557.766					
Tại ngày 30/06/2023	8.003.816.448	9.257.698.385	-	144.789.145	17.406.303.978					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.730.725.263 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	20.255.418.889	4.750.289.608	25.005.708.497
Tại ngày 30/06/2023	<b>20.255.418.889</b>	<b>4.750.289.608</b>	<b>25.005.708.497</b>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	7.794.101.692	4.750.289.608	12.544.391.300
Khấu hao trong kỳ	1.265.419.415	-	1.265.419.415
Tại ngày 30/06/2023	<b>9.059.521.107</b>	<b>4.750.289.608</b>	<b>13.809.810.715</b>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	12.461.317.197	-	12.461.317.197
Tại ngày 30/06/2023	<b>11.195.897.782</b>	<b>-</b>	<b>11.195.897.782</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.076.718.497 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**13 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.244.008.020	14.098.963.392
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	6.635.991.980	6.635.991.980
Số dư cuối kỳ	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.854.955.372</b>

**14 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2023 VND	Số vay trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	30/06/2023 VND
Vay ngắn hạn	213.154.117.315	216.946.488.496	237.422.263.562	192.678.342.249
Vay ngân hàng	150.000.000.000	100.000.000.000	150.000.000.000	100.000.000.000
Vay cá nhân	63.154.117.315	116.946.488.496	87.422.263.562	92.678.342.249
	<b>213.154.117.315</b>	<b>216.946.488.496</b>	<b>237.422.263.562</b>	<b>192.678.342.249</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội <sup>(1)</sup> (NCB)	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	-	50.000.000.000
Các khoản vay cá nhân <sup>(2)</sup>	92.678.342.249	63.154.117.315
	<b>192.678.342.249</b>	<b>213.154.117.315</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 016/22/HĐHM-9213 ngày 26 tháng 12 năm 2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức thấu chi tài khoản: 150.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngắn hạn;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng;
  - + Lãi suất cho vay: theo thỏa thuận giữa hai bên tại Khế ước nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết và giấy tờ có giá giữa NCB với bên thứ ba và giữa NCB với Công ty.
- (2) Các Hợp đồng vay cá nhân với hình thức tín chấp có thời hạn từ 01 đến 06 tháng, lãi suất 9,0% - 11,5%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty.

**15 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN**

	01/01/2023	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Tổ chức	111.970.000.000	-	11.970.000.000	100.000.000.000
Cá nhân	18.310.000.000	-	18.310.000.000	-
	<u>130.280.000.000</u>	<u>-</u>	<u>30.280.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các khoản trái phiếu phát hành tại thời điểm 30/06/2023:

**Trái phiếu phát hành lần 1 năm 2022:**

- + Mã trái phiếu: EVSH2224001;
- + Khối lượng phát hành: 50.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 31/03/2022;
- + Ngày đáo hạn: 31/03/2024;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 10%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2022: 10.000 trái phiếu tương ứng với giá trị 100 tỷ đồng.

**16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	607.267.896	797.648.857
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	156.150.969	187.322.712
Phải trả tổ chức, cá nhân khác (*)	55.319.943.334	79.455.649.380
	<u>56.083.362.199</u>	<u>80.440.620.949</u>

(\*) Các khoản phải trả cho các nhà đầu tư về sản phẩm hỗ trợ lãi suất (ECash) cho nhà đầu tư có nhu cầu hỗ trợ lãi suất trên số dư tiền tài khoản giao dịch tại Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần PAC Quốc tế	-	843.149
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	760.521.669	760.521.669
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	-	43.078.000.000
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Lê Quốc	-	3.633.228.162
Phải trả các đối tượng khác	1.018.119.079	2.028.581.648
	<b>1.778.640.748</b>	<b>49.501.174.628</b>

**b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	-	43.078.000.000
Phải trả cho người bán khác	1.778.640.748	6.423.174.628
	<b>1.778.640.748</b>	<b>49.501.174.628</b>

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	772.000	82.906.080
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.276.074.239	10.820.132.643
Thuế Thu nhập cá nhân	2.300.887.853	3.407.415.578
	<b>6.577.734.092</b>	<b>14.310.454.301</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	3.780.479.436	6.925.132.802
Phải trả lương, thưởng kinh doanh	2.773.600.557	11.691.456.200
Thù lao Hội đồng quản trị	763.826.000	1.082.500.000
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	570.340.473	1.150.014.232
	<b>7.888.246.466</b>	<b>20.849.103.234</b>

**20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.390.684	30.390.684
Thu hộ tiền đầu tư phải trả cho nhà đầu tư	723.262.050	723.262.050
Tiền đặt cọc, phí cơ hội và lãi phải trả tiền đặt cọc hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán	-	1.042.010.961
Các khoản phải trả, phải nộp khác	581.988.951	562.089.780
	<b>1.335.641.685</b>	<b>2.357.753.475</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Fusion Suites Sài Gòn	19,42	200.000.000.000	19,42	200.000.000.000
Ông Vũ Mạnh Tiến	9,71	100.000.000.000	9,71	100.000.000.000
Các cổ đông khác	70,87	730.004.000.000	70,87	730.004.000.000
	<b>100</b>	<b>1.030.004.000.000</b>	<b>100</b>	<b>1.030.004.000.000</b>

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	576.829.903.011	551.616.637.548
Lợi nhuận chưa thực hiện	(7.059.760.052)	46.699.585.772
	<b>569.770.142.959</b>	<b>598.316.223.320</b>

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	551.616.637.548	386.790.509.401
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	(7.059.760.052)	171.139.032.553
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	29.010.033.520	169.744.912.077
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	580.626.671.068	556.535.421.478
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(3.796.768.057)	(63.321.661.809)
- Quỹ dự trữ điều lệ	-	(21.107.220.603)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(21.107.220.603)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.796.768.057)	(21.107.220.603)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế toán	<b>576.829.903.011</b>	<b>493.213.759.669</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022	100%	75.935.361.139
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00%	3.796.768.057
Lợi nhuận chưa phân phối	95,00%	72.138.593.082

Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ đã được trích lập, Công ty dự kiến sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.270.004.000.000	1.270.004.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	1.270.004.000.000	1.270.004.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.270.004.000.000	1.270.004.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

e) Cổ phiếu	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	103.000.400	103.000.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	103.000.400	103.000.400
- Cổ phiếu phổ thông	103.000.400	103.000.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103.000.400	103.000.400
- Cổ phiếu phổ thông	103.000.400	103.000.400
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	211.576.300.000	196.873.350.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	-	7.374.440.000
	<b>211.576.300.000</b>	<b>204.247.790.000</b>
<b>23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.530.000	1.530.000
	<b>1.530.000</b>	<b>1.530.000</b>
<b>24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	-	27.000.000.000
	-	<b>27.000.000.000</b>
<b>25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	1.240.550.270.000	1.376.140.270.000
	<b>1.240.550.270.000</b>	<b>1.376.140.270.000</b>
<b>26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.796.603.900.000	4.191.232.510.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	86.316.710.000	434.326.690.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	809.046.970.000	924.501.630.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	530.300.000	35.560.890.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	34.269.710.000	52.782.250.000
	<b>4.726.767.590.000</b>	<b>5.638.403.970.000</b>
<b>27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	18.002.520.000	18.002.520.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	150.000.000	150.000.000
	<b>18.152.520.000</b>	<b>18.152.520.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	36.087.280.000	44.845.040.000
	<b>36.087.280.000</b>	<b>44.845.040.000</b>

**29 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.732.524.173	85.905.762.795
1. Nhà đầu tư trong nước	103.730.431.977	85.903.238.130
2. Nhà đầu tư nước ngoài	2.092.196	2.524.665
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	57.665.895.790	68.108.155.550
1. Nhà đầu tư trong nước	57.665.895.790	68.108.155.550
Tiền gửi của tổ chức phát hành	1.163.875	1.000.000
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.163.875	1.000.000
	<b>161.399.583.838</b>	<b>154.014.918.345</b>

**30 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.732.524.173	85.905.762.795
1.1. Nhà đầu tư trong nước	103.730.431.979	85.903.238.132
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	2.092.194	2.524.663
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	57.665.895.790	68.108.155.550
2.1. Nhà đầu tư trong nước	57.665.895.790	68.108.155.550
	<b>161.398.419.963</b>	<b>154.013.918.345</b>

**31 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.163.875	1.000.000
	<b>1.163.875</b>	<b>1.000.000</b>

**32 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	235.419.428.466	236.350.103.758
1.1 Phải trả gốc margin	235.419.428.466	236.350.103.758
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	235.419.428.466	236.350.103.758
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	6.422.498.342	7.266.426.114
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	6.422.498.342	7.266.426.114
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	6.422.498.342	7.266.426.114
	<b>241.841.926.808</b>	<b>243.616.529.872</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**33 . THU NHẬP**

**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
	VND	VND	VND	VND	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	49.692.785.000	49.466.215.971	323.154.997	96.585.968	131.006.203.522	35.615.074.324		
Trái phiếu niêm yết	7.089.880.000	7.085.960.000	3.920.000	-	890.161.391	-		
Trái phiếu chưa niêm yết	192.485.418.796	181.385.463.585	11.597.577.672	497.622.461	25.262.171.383	4.937.900.000		
Chứng chỉ tiền gửi	265.098.973.335	265.122.115.755	2.465.800	25.608.220	131.696.815	11.712.330		
	<b>514.367.057.131</b>	<b>503.059.755.311</b>	<b>11.927.118.469</b>	<b>619.816.649</b>	<b>157.290.233.111</b>	<b>40.564.686.654</b>		





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/06/2023		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2023		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FVTPL</b>	<b>1.619.248.208.015</b>	<b>1.612.854.507.706</b>	<b>60.588.012.720</b>	<b>(66.981.713.029)</b>	<b>91.321.401.400</b>	<b>(30.515.919.430)</b>	<b>10.555.101.671</b>	<b>(77.754.283.950)</b>
Cổ phiếu niêm yết	357.051.492.919	327.614.678.410	37.542.012.720	(66.978.827.229)	57.200.151.400	(30.513.033.630)	(12.490.898.329)	(77.754.283.950)
Cổ phiếu chưa niêm yết	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	-	(2.885.800)	-	(2.885.800)	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.206.213.829.296	1.229.259.829.296	23.046.000.000	-	34.121.250.000	-	23.046.000.000	-
<b>Loại AFS</b>	<b>30.310.000.000</b>	<b>30.310.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	-	-
	<b>1.649.558.208.015</b>	<b>1.643.164.507.706</b>	<b>60.588.012.720</b>	<b>(66.981.713.029)</b>	<b>91.321.401.400</b>	<b>(30.515.919.430)</b>	<b>10.555.101.671</b>	<b>(77.754.283.950)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) <b>Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM</b>	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	69.850.763.997	24.066.235.598
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	88.493.150	1.624.657.535
Từ các khoản cho vay	18.318.272.711	83.876.947.740
	<b><u>88.257.529.858</u></b>	<b><u>109.567.840.873</u></b>
d) <b>Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính</b>	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	366.684.191	9.111.897.623
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	366.684.191	9.111.897.623
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	<b><u>366.684.191</u></b>	<b><u>9.111.897.623</u></b>
34 . <b>CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	2023	2022
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	7.467.055.650	7.488.439.825
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	7.467.055.650	7.488.439.825
	<b><u>7.467.055.650</u></b>	<b><u>7.488.439.825</u></b>
35 . <b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	278.613.327	1.825.704.416
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.469.524.899
	<b><u>278.613.327</u></b>	<b><u>5.295.229.315</u></b>
36 . <b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	16.506.759.209	35.695.833.932
	<b><u>16.506.759.209</u></b>	<b><u>35.695.833.932</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**37 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	15.925.976.059	18.743.335.706
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	888.697.999	427.613.850
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.406.595.145	481.201.569
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	902.087.570	813.516.146
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.738.687.035	5.759.747.188
Chi phí khác	-	5.000.000
	<b>25.868.043.808</b>	<b>26.236.414.459</b>

**38 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.741.303	3.155.106
Các khoản khác	501.072.500	-
	<b>505.813.803</b>	<b>3.155.106</b>

**39 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

**39.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(30.606.126.541)	177.212.512.298
Các khoản điều chỉnh tăng	79.077.534.404	188.964.139.528
- Chi phí không hợp lệ	758.293.706	226.001.207
- Trích lập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	564.956.748	3.761.269.550
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính	77.754.283.950	184.976.868.771
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.556.296.771)	(155.257.512.998)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.195.100)	(4.996.871.772)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính	(10.555.101.671)	(150.260.641.226)
Thu nhập chịu thuế TNDN	37.915.111.092	210.919.138.828
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>7.583.022.218</b>	<b>42.183.827.766</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	10.820.132.643	14.868.238.244
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(14.127.080.622)	(50.442.281.488)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>4.276.074.239</b>	<b>6.609.784.522</b>

**39.2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.278.740.062	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
	<b>1.278.740.062</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	(38.053.107.205)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước	-	50.214.203.598
	<u>-</u>	<u>12.161.096.393</u>
	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động</b>		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(13.439.836.455)	(6.943.245.509)
	<u>(13.439.836.455)</u>	<u>(6.943.245.509)</u>

**41 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(24.749.312.304)	141.971.930.041
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(24.749.312.304)	141.971.930.041
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	103.000.400	103.000.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>(240)</u>	<u>1.378</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**42 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.612.854.507.706	-	-	1.612.854.507.706
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	<u>1.643.164.507.706</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.643.164.507.706</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.865.729.437.487	-	-	1.865.729.437.487
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	<u>1.896.039.437.487</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.896.039.437.487</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền gửi ngân hàng	31.014.617.578	-	-	31.014.617.578
Các khoản cho vay	231.807.572.575	-	-	231.807.572.575
Các khoản phải thu	289.771.212.623	-	-	289.771.212.623
	<u>552.593.402.776</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>552.593.402.776</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền gửi ngân hàng	147.993.312.287	-	-	147.993.312.287
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
Các khoản cho vay	234.147.132.387	-	-	234.147.132.387
Các khoản phải thu	39.484.951.051	-	-	39.484.951.051
	<u>476.625.395.725</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>476.625.395.725</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Vay và nợ	292.678.342.249	-	-	292.678.342.249
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	59.197.644.632	-	-	59.197.644.632
Chi phí phải trả	7.888.246.466	-	-	7.888.246.466
	<u>359.764.233.347</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>359.764.233.347</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	343.434.117.315	-	-	343.434.117.315
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	132.299.549.052	-	-	132.299.549.052
Chi phí phải trả	20.849.103.234	-	-	20.849.103.234
	<u>496.582.769.601</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>496.582.769.601</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**43 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**44 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán VND	Hoạt động cho vay và ứng trước tiền bán VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	13.923.818.632	92.332.984.137	100.000.000	18.318.272.711	856.086.467	125.531.161.947
Chi phí hoạt động	18.430.209.269	79.700.658.309	1.595.475.294	564.956.748	13.254.076.284	113.545.375.904
Doanh thu không phân bổ						278.613.327
Chi phí không phân bổ						42.374.803.017
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>(4.506.390.637)</b>	<b>12.632.325.828</b>	<b>(1.495.475.294)</b>	<b>17.753.315.963</b>	<b>(12.397.989.817)</b>	<b>(30.110.403.647)</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	20.947.012.353	1.931.783.618.776	200.000.000	231.807.572.575	-	2.184.738.203.704
Tài sản không phân bổ						87.771.994.594
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.947.012.353</b>	<b>1.931.783.618.776</b>	<b>200.000.000</b>	<b>231.807.572.575</b>	<b>-</b>	<b>2.272.510.198.298</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	763.418.865	-	760.521.669	-	612.000.000	2.135.940.534
Nợ phải trả không phân bổ						376.385.673.599
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>763.418.865</b>	<b>-</b>	<b>760.521.669</b>	<b>-</b>	<b>612.000.000</b>	<b>378.521.614.133</b>

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**45 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần G-AutoMobile	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này cho tới ngày 15/04/2022
Công ty Cổ phần Công nghiệp chế tạo ô tô Quốc Dân	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là cổ đông lớn của công ty này
Công ty Cổ phần Công nghiệp chế tạo ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Sản xuất ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chia sẻ	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Hải Châu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Thành viên Hội đồng quản trị công ty này; Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân Hàng Công Thương Việt Nam	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là Trưởng ban đại diện của quỹ này
Công ty TNHH KY Consultant	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên góp vốn của công ty này
Công ty Cổ phần Điện tử - Ảnh màu Nha Trang	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc của công ty này
Ông Hoàng Hữu Tiến	Em rể của bà Vũ Thị Thanh Hằng - Giám đốc tài chính của Công ty
Bà Vũ Thị Thanh Hương	Em ruột của bà Vũ Thị Thanh Hằng - Giám đốc tài chính của Công ty
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
<b>Nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu NVB</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	-	5.128.311.520
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	88.504.804	29.044.318



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ông Hoàng Hữu Tiến	16.100.000.000	6.550.000.000
<b>Trái phiếu phát hành ngắn hạn</b>		
Bà Vũ Thị Thanh Hương	-	7.360.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	-	9.023.079.180
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Ông Nguyễn Hải Châu	410.826.000	585.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	128.000.000	120.000.000
Bà Vũ Hải Anh	80.000.000	120.000.000
Ông Vũ Mạnh Tiến	80.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Thành Chung	65.000.000	137.500.000
Ông Hoàng Hữu Tiến	218.549.999	118.715.754

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	2.143.776.000	1.588.790.400
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	4.390.963.000	3.567.735.800

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**46 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Bùi Thị Yến  
Người lậpNguyễn Thị Bích Hằng  
Kế toán trưởngPhạm Hồng Minh  
Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023